

TỔNG HỢP VỐN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2023 SANG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba To)

Đơn vị: Triệu đồng

T	T	Nội dung	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2023 sang năm 2024	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7
1		Cấp huyện quản lý	22.219,641	15.367,180	6.852,461	6.852,461	Phụ lục 01
2		Cấp xã quản lý	21.550,000	10.570,805	10.979,195	10.979,195	Phụ lục 02
		Cộng	43.769,641	25.937,985	17.831,656	17.831,656	

Phụ lục số 01
DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 SANG NĂM 2024
CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Đơn vị trực tiếp quản lý dự án	Mã số dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2023 sang năm 2024	Nguyên nhân đề xuất kéo dài (đề nghị nêu rõ, cụ thể)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	UBND huyện Ba Tơ				22.219,641	15.367,180	6.852,461	6.852,461	
a)	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn tăng thu tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh								
1	Hội trường Huyện ủy Ba Tơ	BQL ĐAĐT XD&PTQĐ	8021746	2022-2024	14.000,000	9.067,114	4.932,886	4.932,886	Đang triển khai thi công theo kế hoạch, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành các hạng mục công trình (thuộc điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ)
b)	Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								
1	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Tổ 8 thôn Gò Păng	Phòng NN&PTNT	7980888	2022-2023	51,000	1,905	49,095	49,095	Hoàn thành; còn nhiệm vụ chi thi công điều chỉnh và các nhiệm vụ chi khác gồm: BQL, chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội), trong đó bao gồm nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và được phép kéo dài sang năm 2024 là 28,095 triệu đồng)
2	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Thôn Làng Dút	Phòng NN&PTNT	7978451	2022-2023	66,000	-	66,000	66,000	Hoàn thành; Còn nhiệm vụ chi bao gồm: Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
3	Nước sinh hoạt thôn Hy Long	Phòng NN&PTNT	7978449	2022-2023	111,000	74,755	36,245	36,245	Hoàn thành, Còn nhiệm vụ chi bao gồm: Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
4	Nước sinh hoạt tập trung thôn Gò Re	Phòng NN&PTNT	7978448	2022-2023	98,000	-	98,000	98,000	Hoàn thành, còn nhiệm vụ chi bao gồm: Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
5	Nước sinh hoạt tập trung Suối Quây, Mang Biều	Phòng NN&PTNT	7980889	2022-2023	123,000	89,412	33,588	33,588	Hoàn thành, còn nhiệm vụ chi bao gồm: Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
6	Nước sinh hoạt thôn Làng Xi 1 xã Ba Tô	Phòng NN&PTNT	7978447	2022-2023	179,000	66,348	112,652	112,652	Hoàn thành, còn nhiệm vụ chi bao gồm: Chi BQL, Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội), trong đó KHV kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 99,846 triệu đồng)
7	Sửa chữa nâng cấp NSH tập trung Nước Lô	Phòng NN&PTNT	8042479	2023-2024	36,000	24,004	11,996	11,996	Hoàn thành, còn nhiệm vụ chi bao gồm: Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
8	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Ba Điền	8047707	2022-2024	32,000	16,000	16,000	16,000	Chưa nghiệm thu nhà đợt 2, kéo dài để tiếp tục nghiệm thu, thanh toán phần còn lại (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
9	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Ba Liên	8045095	2022-2024	32,000	12,000	20,000	20,000	Chưa nghiệm thu nhà đợt 2, kéo dài để tiếp tục nghiệm thu, thanh toán phần còn lại Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
10	Nước sinh hoạt xóm Ông Chốt thôn Làng Tốt	Phòng NN&PTNT	7980886	2022-2023	105,000	9,865	95,135	95,135	Hoàn thành; Còn nhiệm vụ chi bao gồm: Giám sát, Chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội) (nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và địa phương đề xuất kéo dài sang năm 2024)
*	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết								

TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Đơn vị trực tiếp quản lý dự án	Mã số dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2023 sang năm 2024	Nguyên nhân đề xuất kéo dài (đề nghị nêu rõ, cụ thể)
1	Khu tái định cư tập trung tổ 4 thôn Nước Lãng xã Ba Xa	BQL DAĐTXD&PTQĐ	8049887	2023-2025	717,000	-	717,000	717,000	Vướng GPMB (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc								
1	Đường BTXM thôn Bùi Hui (thảo nguyên Bùi Hui)	BQL DAĐTXD&PTQĐ	7988524	2022-2023	451,000	331,000	120,000	120,000	Vốn kéo dài điều chỉnh sau ngày 15/11 năm kế hoạch theo Công số 13825/BTC-ĐT ngày 14/12/2023 của Bộ Tài chính, chưa thanh toán được (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội) (nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023)
2	Trường Tiểu học Ba Dinh, hạng mục: 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập	BQL DAĐTXD&PTQĐ	7981215	2022-2023	93,000	73,000	20,000	20,000	
3	Nâng cấp nhà văn hóa TDP Kon Dung	TT Ba Tơ	7982996	2022-2023	3,000		3,000	3,000	
4	Nâng cấp tuyến kênh từ suối Nước Ren về cánh đồng I On, TDP Uy Năng	TT Ba Tơ	7982995	2022-2023	5,000		5,000	5,000	
5	Tường rào, cổng ngõ, sân vườn Nhà văn hóa thôn Vã Lễ, Đồng Lâu	xã Ba Lễ	7997240	2022-2023	33,000	31,290	1,710	1,710	Đã hoàn thành, kéo dài để thanh toán chi phí khác (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội) (nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023)
6	Nâng cấp tuyến đường UBND xã đi Nước Giáp	BQL DAĐTXD&PTQĐ	7981213	2022-2023	418,000	313,604	104,396	104,396	Đã hoàn thành; kéo dài để thanh toán các chi phí khác: QLDA, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
7	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Rêu	BQL DAĐTXD&PTQĐ	8041898	2023-2024	168,000	151,816	16,184	16,184	Công trình KCM năm 2023; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
8	Trường TH&THCS Ba Điền; hạng mục: 05 phòng hỗ trợ học tập, nhà bảo vệ, hạng mục khác	BQL DAĐTXD&PTQĐ	8040970	2023-2024	103,000	92,954	10,046	10,046	Công trình KCM năm 2023; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL 24 đi Hồ Núi Ngang	BQL DAĐTXD&PTQĐ	8041900	2023-2024	290,000	270,096	19,904	19,904	Công trình KCM năm 2023; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
10	Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi ngã 3 Nước Gia	BQL DAĐTXD&PTQĐ	8041899	2023-2024	233,000	163,000	70,000	70,000	Công trình KCM năm 2023; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
11	Trường Mầm non Ba Lễ; hạng mục: 03 phòng học và công trình phụ trợ	BQL DAĐTXD&PTQĐ	8047691	2023-2024	105,000	80,422	24,578	24,578	Công trình KCM năm 2023; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
12	Nhà văn hóa thôn Hy Long	xã Ba Điền	8035869	2023-2024	39,000	-	39,000	39,000	Công trình KCM năm 2023; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình, kéo dài theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
13	Nhà văn hóa thôn Làng Tương	xã Ba Điền	8035869	2023-2024	71,000	-	71,000	71,000	Công trình hoàn thành, kéo dài để thanh toán chi phí khác: QLDA, quyết toán...; kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
c)	Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới								
1	Nâng cấp, sửa chữa HTCNŞH thôn Mang Đen, xã Ba Vi, huyện Ba Tơ	Phòng NN&PTNT	7984573	2022-2024	4.657,641	4.498,595	159,046	159,046	Điều chỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tháng 12/2023; công tác nhiệm vụ chi khác gồm: BQL, chấp thuận nghiệm thu, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội) (bao gồm nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 và đề xuất kéo dài sang năm 2024 là 124,723 triệu đồng)

Phụ lục số 02

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 SANG NĂM 2024

CẤP XÃ QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Đơn vị trực tiếp quản lý dự án	Mã số dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2023 sang năm 2024	Nguyên nhân đề xuất kéo dài (đề nghị nêu rõ, cụ thể)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	UBND huyện Ba Tơ				21.550,000	10.570,805	10.979,195	10.979,195	
a)	Ngân sách tỉnh bố trí từ nguồn tăng thu tại QĐ số 376/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh thực hiện CTMTQG NTM								
1	Sân vận động xã Ba Điền	xã Ba Điền	8062689	2023-2024	900,000	263,634	636,366	636,366	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
2	Đập Nước Lu	xã Ba Điền	8062692	2023-2024	900,000	0,000	900,000	900,000	
3	Đập Vả Lách	xã Ba Điền	8062690	2023-2024	540,000	147,943	392,057	392,057	
4	Nâng cấp BTXM tuyến đường DT 624 - Tò 1 Hy Long	xã Ba Điền	8063714	2023-2024	270,000	268,574	1,426	1,426	
5	Nối tiếp BTXM tuyến đường UBND xã - Làng Tương	xã Ba Điền	8062686	2023-2024	270,000	249,661	20,339	20,339	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thanh toán chi phí: QLDA, quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
6	Nâng cấp BTXM tuyến đường Mang Bay - Troang Gách	xã Ba Điền	8062688	2023-2024	270,000	250,602	19,398	19,398	
7	Nâng cấp BTXM tuyến đường Làng Rêu - Gò Đằm	xã Ba Điền	8062691	2023-2024	400,000	112,138	287,862	287,862	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
8	Kiến cố hóa kênh Klui	xã Ba Vi	8044158	2023-2024	580,000	240,660	339,340	339,340	
9	Nhà văn hóa xã Ba Vi; hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa, tường rào, công nghệ và đầu tư sân vườn, khu thể thao	xã Ba Vi	8044159	2023-2024	800,000	790,219	9,781	9,781	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thanh toán chi phí quyết toán (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
10	Cải tạo, nâng cấp tường rào, công nghệ điểm Trường Mầm non Gò Năng thành Nhà Văn hóa thôn Gò Năng	xã Ba Vi	8044160	2023-2024	680,000	305,871	374,129	374,129	
11	Đường BTXM QL24 đi tổ Mang Cong, thôn Gò Vành	xã Ba Vi	8044161	2023-2024	500,000	206,891	293,109	293,109	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
12	Ngã 3 Gò Da đi tổ 3 Gò Da (nhánh 2)	xã Ba Vi	8044162	2023-2024	890,000	368,733	521,267	521,267	
13	Đường BTXM Nước Trết - Gò Vành (nhánh 1)	xã Ba Vi	8044163	2023-2024	500,000	204,747	295,253	295,253	
14	Nhà văn hóa thôn Gò Vành	xã Ba Vi	8044164	2023-2024	820,000	378,160	441,840	441,840	
15	Nhà văn hóa thôn Nước Ui	xã Ba Vi	8044165	2023-2024	780,000	375,808	404,192	404,192	
16	Nối tiếp đường BTXM Mang Cảnh - K'điêu	xã Ba Vi	8044166	2023-2024	950,000	384,661	565,339	565,339	
17	Công trình nước sạch thôn Hương Chiên	xã Ba Liên	8040431	2023-2024	1.035,000	933,069	101,931	101,931	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
18	Công trình nước sạch thôn Đá Chát	xã Ba Liên	8040428	2023-2024	1.035,000	938,679	96,321	96,321	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thanh toán chi phí tư vấn, chi phí khác (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
19	Xây dựng kè chống sạt lở suối Đá Chát, xã Ba Liên	xã Ba Liên	8040425	2023-2024	1.000,000	758,883	241,117	241,117	
20	Hạ thế đường dây 0,4kv và trụ tại thôn đá chát	xã Ba Liên	8040426	2023-2024	990,000	291,290	698,710	698,710	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)

TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Đơn vị trực tiếp quản lý dự án	Mã số dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết	Số cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2023 sang năm 2024	Nguyên nhân đề xuất kéo dài (đề nghị nêu rõ, cụ thể)
21	Sân vườn, nhà vệ sinh và thiết chế bên trong Nhà văn hóa thôn Hương Chiên	xã Ba Liên	8040424	2023-2024	630,000	225,348	404,652	404,652	(Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 của Quốc Hội)
22	Tường rào công ngõ, kè chống sạt lở, sân vườn, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Đá Chát	xã Ba Liên	8040423	2023-2024	630,000	588,562	41,438	41,438	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thanh toán chi phí tư vấn, chi phí khác (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
23	Sân vườn Nhà văn hóa xã	xã Ba Liên	8040427	2023-2024	180,000	170,667	9,333	9,333	
24	Tuyến QL24 B đi Tổ 3 thôn Ta Noát	xã Ba Ngạc	8046197	2023-2024	650,000	243,744	406,256	406,256	
25	Nối tiếp BTXM từ Ngã 3 đường xã đi xóm ông Uông, tổ 2 thôn Nước Lầy (nhánh 1)	xã Ba Ngạc	8046211	2023-2024	550,000	200,591	349,409	349,409	
26	BTXM từ Ngã 3 đường xã đi tổ 2 Long Moang, thôn Nước Lầy (nhánh 2)	xã Ba Ngạc	8046198	2023-2024	800,000	288,602	511,398	511,398	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
27	Nhà văn hóa thôn Kách Lang	xã Ba Đình	8063727	2023-2024	1.000,000	570,627	429,373	429,373	
28	BTXM Tuyến QL24 Km34+600 đi ngã 3 Tổ 2, thôn Đồng Dinh (nhà ông Lãi)	xã Ba Đình	8063720	2023-2024	680,000	255,791	424,209	424,209	
29	Tuyến QL24 KM35+150 đi Tổ 3, thôn Đồng Dinh	xã Ba Đình	8063719	2023-2024	320,000	120,273	199,727	199,727	
30	Đường BTXM QL24 (km 46) - Tổ 1 thôn Mang Lùng I	xã Ba Tô	8066478	2023-2024	252,000	14,514	237,486	237,486	
31	Nối tiếp đường BTXM đi Nước Con thôn Trà Nô	xã Ba Tô	8066477	2023-2024	666,000	246,405	419,595	419,595	
32	Đường BTXM QL24 (Km39) - Khu dân cư Làng Rét - Nước Lâm, thôn Mộ Lang	xã Ba Tô	8066476	2023-2024	374,000	139,222	234,778	234,778	Vốn được UBND huyện cấp và hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong qui IV/2023, kéo dài để tiếp tục thi công hoàn thành công trình (Thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc Hội)
33	Đường BTXM Rộc Mãng - tổ Gò Đụn thôn Làng Mạ	xã Ba Tô	8066475	2023-2024	528,000	26,997	501,003	501,003	
34	Nối tiếp đường BTXM thôn Mang Lùng I từ nhà ông Y đến nhà ông Rum	xã Ba Tô	8066474	2023-2024	180,000	9,239	170,761	170,761	